

Số: .. /202../NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày tháng năm 202..

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trí Tuệ nhân tạo năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy định quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy định quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 31/2025/BKHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm;

Căn cứ Thông tư số 32/2025/BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Ban hành Danh mục nguyên liệu, vật liệu bán dẫn, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn được khuyến khích đầu tư phát triển;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội

dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố Cần Thơ cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản pháp luật viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Khóa X, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm/.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP.Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;

CHỦ TỊCH

Đông Văn Thanh

- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Công báo, TT LTLS thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

QUY ĐỊNH

Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số.../20.../NQ-HĐND)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách thành phố Cần Thơ cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại Khoản 4 Điều 28, Khoản 2 Điều 29 của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 đối với các dự án sau:

- Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm.
- Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn.
- Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo.
- Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, doanh nghiệp có dự án thuộc phạm vi Điều 1 Quy định này được triển khai trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến quản lý, thẩm định, phê duyệt và giám sát việc hỗ trợ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- "Sản phẩm công nghệ số trọng điểm" là sản phẩm công nghệ thông tin bảo đảm được một trong những yêu cầu sau đây:
 - Thị trường trong nước có nhu cầu lớn và tạo giá trị gia tăng cao;
 - Có tiềm năng xuất khẩu;
 - Có tác động tích cực về đổi mới công nghệ và hiệu quả kinh tế đối với các ngành kinh tế khác;

d) Đáp ứng được yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

2. “Sản phẩm Chip bán dẫn” là những vi mạch tích hợp được tạo ra từ vật liệu bán dẫn như: silicon, hợp chất bán dẫn thế hệ mới, tấm wafer, mặt nạ quang và vật liệu tạo ra mặt nạ quang, chất cản quang, hóa chất phục vụ sản xuất chip bán dẫn, khí chuyên dụng phục vụ sản xuất chip bán dẫn, bia phun xạ (Sputtering targets), khung dẫn (leadframes), đế mạch đóng gói (substrates), dây kết nối (bonding wires), gồm kỹ thuật...chứa hàng tỷ linh kiện nhỏ như transistor, điốt và tụ điện để thực hiện các chức năng xử lý dữ liệu, lưu trữ và điều khiển.

3. “Trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo” (AI Data Center) là trung tâm lưu trữ, xử lý dữ liệu chuyên biệt phục vụ cho phát triển, triển khai và vận hành các hệ thống AI, có hạ tầng tính toán (GPU/TPU), kết nối mạng lớn, hệ thống bảo mật và quản trị dữ liệu.

4. “Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số” được hiểu như sau:

a) Là dự án gồm các hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; Nghiên cứu và phát triển; Sản xuất thử nghiệm; Tư vấn khởi nghiệp; Mua công nghệ và đổi mới công nghệ.

b) Là dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số ở giai đoạn tiền ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian để hoàn thiện ý tưởng; hoàn thiện và phát triển sản phẩm hoặc mở rộng thị trường, kết nối nhà đầu tư. Các dự án ở giai đoạn này có thể hình thành hoặc chưa hình thành doanh nghiệp.

- Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp.

- Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo công nghiệp công nghệ số, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

- Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo công nghiệp công nghệ số, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

c) Là dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường. Ở giai đoạn này, dự án đã hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghiệp công nghệ số.

5. Phương thức hỗ trợ trước là phương thức hỗ trợ trước khi thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở xem xét thuyết minh nhiệm vụ sẽ thực hiện.

6. Phương thức hỗ trợ sau là phương thức hỗ trợ sau khi dự án được thực hiện trên cơ sở xem xét kết quả đã thực hiện và các hồ sơ chứng từ có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phát triển phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Trường hợp cùng một nội dung, đối tượng áp dụng đồng thời đáp ứng điều kiện được hỗ trợ theo quy định của Quy định này và chính sách khác áp dụng trên địa bàn thành phố, thì đối tượng áp dụng được lựa chọn 01 (một) chính sách hỗ trợ phù hợp nhất. Sau khi hoàn tất xong chính sách hỗ trợ, có thể xem xét hỗ trợ các chính sách khác khi doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký, không trùng nội dung chính sách đã hỗ trợ.

3. Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Quy định này được hỗ trợ thông qua các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian).

4. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số có dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số quy định tại điểm b và c khoản 4 Điều 3 được hỗ trợ trực tiếp từ Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Doanh nghiệp được nhận hỗ trợ phải đảm bảo sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và báo cáo việc sử dụng chi tiết nguồn hỗ trợ cho Sở Khoa học và Công nghệ hàng năm.

6. Thời gian hỗ trợ nhiệm vụ theo phương thức hỗ trợ trước không quá 12 tháng/nhiệm vụ.

Chương II

TIÊU CHÍ VÀ ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

Điều 5. Tiêu chí xác định

1. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm

a) Doanh nghiệp có sản phẩm công nghệ số nằm trong danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm được ban hành theo cú Thông tư số 31/2025/BKHCN ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm.

b) Có một trong các hoạt động: dây chuyền phục vụ thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử thuộc hoạt động công nghệ số trọng điểm.

2. Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn. Doanh nghiệp có hoạt động trong các lĩnh vực sau:

a) Nghiên cứu và phát triển (R&D) chip bán dẫn: Nghiên cứu khoa học về vật lý bán dẫn, khoa học vật liệu (như Silicon, Gallium Arsenide...); Phát triển

các thuật toán và kiến trúc tính toán mới (ví dụ: kiến trúc bộ nhớ, tập lệnh...); Xây dựng các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm công nghệ lõi.

b) Tham gia một phần hoặc toàn bộ công đoạn trong quy trình Thiết kế chip bán dẫn (IC Design) gồm:

- Thiết kế logic và chức năng (Front-End design): Thiết kế Hệ thống (System Design), Thiết kế Chức năng (Function Design), Tổng hợp (Synthesis).

- Thiết kế vật lý (Back-End design): Layout (Bố cục), Routing (Đi dây), Kiểm tra Thiết kế (Design Verification).

c) Sản xuất Chip Bán Dẫn (Fabrication/Wafer Fabs): Tinh chế Silicon, Quang khắc (Photolithography), Khắc (Etching), Cây Ion (Ion Implantation), Lắng đọng (Deposition), Đi dây Kim loại (Metal Wiring).

d) Tham gia một phần hoặc toàn bộ công đoạn Đóng gói và Kiểm thử Sản phẩm (Assembly, Testing, and Packaging - ATP) gồm:

- Kiểm thử Wafer (Wafer Sort/Probing),

- Cắt Wafer và Đóng gói (Packaging): Cắt Wafer (Dicing), Gắn Chip (Die Attach), Đóng gói (Packaging).

- Kiểm thử Thành phẩm (Final Test).

3. Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo. Doanh nghiệp có hoạt động trong các lĩnh vực sau:

a) Cung cấp dịch vụ hạ tầng tính toán hiệu năng cao sử dụng năng lực xử lý của GPU, NPU, DPU,... phục vụ cho việc xử lý dữ liệu, trên các kiến trúc mạng Nơ-ron, mô hình huấn luyện, các mô hình học máy.

b) Cung cấp dịch vụ hạ tầng phục vụ cho các bài toán mô phỏng.

c) Thu thập dữ liệu, gán nhãn dữ liệu, chú giải dữ liệu, kiểm tra chất lượng dữ liệu, lấy mẫu dữ liệu, tăng cường dữ liệu, quản lý dữ liệu.

d) Khai phá dữ liệu, phân tích dữ liệu nhằm phân loại, phân nhóm nhiều loại dữ liệu có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc trên các kiến trúc mạng Nơ-ron, có khả năng biểu diễn dữ liệu dựa trên các phương pháp học có giám sát (Supervised machine learning), bán giám sát (Semi-supervised machine learning), không giám sát (Unsupervised machine learning), học tăng cường (Reinforcement learning), học hợp nhất (Federated learning) để hỗ trợ ra quyết định.

e) Ứng dụng dựa trên các thuật toán học máy, học sâu như mạng nơ-ron tích chập (Convolutional Neural Network), Mạng nơ-ron tiến (Feed Forward Neural Network), mạng Bayes, cây quyết định (Decision Tree), thuật toán di truyền (Genetic Algorithm), K láng giềng (K-Nearest Neighbors), máy véc-tơ hỗ trợ (Support Vector Machine), các mô hình ngôn ngữ lớn, mô hình thị giác máy tính lớn hoặc các thuật toán tiên tiến hơn để nghiên cứu, thiết kế, xây dựng, phát triển, kiểm thử các Hệ thống:

- Các hệ thống trong lĩnh vực thị giác máy tính như: nhận dạng hình ảnh, nhận dạng khuôn mặt, nhận dạng sinh trắc học, nhận dạng vật thể,....

- Các hệ thống trong lĩnh vực xử lý, tổng hợp tiếng nói bao gồm: Nhận dạng lời nói, chuyển giọng nói thành văn bản, chuyển văn bản thành giọng nói...

- Các hệ thống xử lý ngôn ngữ: nhận dạng chữ viết tay, dịch máy, tổng hợp văn bản, trợ lý số.

- Các hệ thống khai phá dữ liệu, phân tích phát hiện hành vi, giao dịch bất thường, cảnh báo, dự báo, dự đoán xu hướng trong các lĩnh vực chuyên ngành.

- Các hệ chuyên gia, hệ thống gợi ý trong các lĩnh vực chuyên ngành.

- Các hệ thống tự hành trong các lĩnh vực chuyên ngành.

- Các hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo sinh.

4. Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ cho các hoạt động Đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; Thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; Nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm; Tư vấn khởi nghiệp; Mua công nghệ và đổi mới công nghệ và đảm bảo theo các tiêu chí tại điểm a, b, c khoản 4 Điều 3 Quy định này.

Điều 6. Điều kiện hỗ trợ

1. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp đang hoạt động, đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; có đăng ký ngành nghề hoạt động chính thuộc danh mục sản phẩm công nghệ số trọng điểm; chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động; không thuộc trường hợp đang bị xem xét xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư, tài chính, thuế, đất đai hoặc đang trong quá trình giải thể.

b) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Khoản 1 Điều 37 Luật đầu tư số 61/2020/QH14 hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Có sản phẩm đầu ra là sản phẩm công nghệ số trọng điểm.

d) Có cam kết phát triển lâu dài tại thành phố, duy trì hoạt động sản xuất, sản phẩm trọng điểm trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ khi được hưởng chính sách hỗ trợ.

2. Dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp đang hoạt động, đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; có đăng ký ngành nghề hoạt động chính thuộc nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; chấp

hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động; không thuộc trường hợp đang bị xem xét xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư, tài chính, thuế, đất đai hoặc đang trong quá trình giải thể.

b) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Khoản 1 Điều 37 Luật đầu tư số 61/2020/QH14 hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Có hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia của doanh nghiệp đã có văn bản xác nhận là doanh nghiệp chip bán dẫn. Hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê chuyên gia phải phù hợp với quy định pháp luật về lao động và phải có nội dung cụ thể vị trí, công việc trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử tại doanh nghiệp chip bán dẫn; không thuộc trường hợp đang bị xem xét xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư, tài chính, thuế, đất đai hoặc đang trong quá trình giải thể.

d) Có sản phẩm đầu ra trong hoạt động nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử tại doanh nghiệp chip bán dẫn.

đ) Có cam kết phát triển lâu dài tại thành phố, duy trì hoạt động nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử tại doanh nghiệp chip bán dẫn trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ khi được hưởng chính sách hỗ trợ.

3. Dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp đang hoạt động, đăng ký thành lập theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố và phải đăng ký hoạt động chính trong lĩnh vực công nghệ số, khoa học dữ liệu hoặc trí tuệ nhân tạo và được cấp phép đầu tư phù hợp với quy hoạch Hạ tầng dữ liệu quốc gia; chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động; chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động; không thuộc trường hợp đang bị xem xét xử lý vi phạm pháp luật về đầu tư, tài chính, thuế, đất đai hoặc đang trong quá trình giải thể.

b) Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Khoản 1 Điều 37 Luật đầu tư số 61/2020/QH14 hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Doanh nghiệp phải có hợp đồng với đội ngũ nhân sự cần có chuyên môn cao trong các lĩnh vực: quản trị trung tâm dữ liệu, kỹ thuật phần cứng AI, điện năng, an ninh mạng và DevOps.

d) Doanh nghiệp phải có kế hoạch quản lý vòng đời thiết bị và cơ chế tái sử dụng, giảm phát thải carbon theo hướng trung hòa vào năm 2050, phù hợp với Chiến lược Hạ tầng số Việt Nam và có phương án sử dụng năng lượng tái tạo (như điện mặt trời hoặc điện gió).

đ) Doanh nghiệp phải có chính sách quản lý dữ liệu tuân thủ tiêu chuẩn ISO/IEC 27001 (quản lý an toàn thông tin) và 27701 (bảo vệ dữ liệu cá nhân) và bộ quy trình vận hành chuẩn (SOP) bao gồm xử lý sự cố, phục hồi dữ liệu và giám sát 24/7 theo chuẩn quốc tế.

e) Có cam kết phát triển lâu dài tại thành phố, duy trì hoạt động xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo trong thời gian tối thiểu 05 năm kể từ khi được hưởng chính sách hỗ trợ.

4. Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số đáp ứng các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố và phải đăng ký hoạt động chính trong lĩnh vực công nghệ số và Doanh nghiệp có tham gia một trong các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy định này.

b) Tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án.

c) Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Cần Thơ; chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động.

d) Có cam kết phát triển lâu dài tại thành phố, duy trì hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trong thời gian tối thiểu 03 năm kể từ khi được hưởng chính sách hỗ trợ

đ) Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn đề nghị hỗ trợ phát triển dự án theo phương thức hỗ trợ sau thì hồ sơ chứng từ có liên quan của dự án phải trong thời gian có hiệu lực của Quy định này và trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng.

Chương III

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 7. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo

1. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với nhà đầu tư

a) Hỗ trợ tối đa không quá 5% chi phí đầu tư xây dựng nhà máy, thiết bị hỗ trợ sản xuất, chi phí di chuyển tài sản, dây chuyền, thiết bị, công nghệ, chi phí đối với các dự án đầu tư mới; mức hỗ trợ không quá 200 tỷ đồng/dự án. Trường hợp đặc biệt, đối với dự án có quy mô lớn, tác động lan tỏa cao, mức hỗ trợ không quá 200 tỷ đồng/dự án. Mỗi nhà đầu tư chỉ được hỗ trợ 01 lần.

b) Hỗ trợ 50% chi phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin (không bao gồm chi phí dịch vụ), nhưng không quá 500 triệu đồng/năm trong vòng 02 năm đầu tiên.

2. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với hỗ trợ đối với đối tác chiến lược

a) Hỗ trợ không quá 5% tổng chi phí mua thiết bị hỗ trợ sản xuất, chi phí di chuyển tài sản, dây chuyền, thiết bị, công nghệ, chi phí đối với các dự án đầu tư mới; mức hỗ trợ không quá 200 tỷ đồng/dự án. Trường hợp đặc biệt, đối với dự án có quy mô lớn, tác động lan tỏa cao, mức hỗ trợ không quá 200 tỷ đồng/dự án. Mỗi đối tác chiến lược chỉ được hỗ trợ 01 lần.

b) Được thuê trực tiếp tài sản kết cấu hạ tầng thông tin không thông qua đấu giá.

c) Được hỗ trợ 50% chi phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin (không bao gồm chi phí dịch vụ) nhưng không quá 500 triệu đồng/năm trong vòng 02 năm đầu tiên.

3. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với tổ chức, doanh nghiệp

a) Hỗ trợ chi phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin (không bao gồm chi phí dịch vụ), cụ thể:

- Doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ (Doanh nghiệp siêu nhỏ: Doanh thu tối thiểu 100 triệu đồng/năm; Doanh nghiệp nhỏ: Doanh thu tối thiểu 500 triệu đồng/năm): Hỗ trợ 50% chi phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin nhưng không quá 200 triệu đồng/năm.

- Doanh nghiệp vừa và lớn (Doanh nghiệp vừa và lớn: Doanh thu tối thiểu 02 tỷ đồng/năm): Hỗ trợ 25% chi phí thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin nhưng không quá 250 triệu đồng/năm.

b) Thời gian hỗ trợ không quá 02 năm/doanh nghiệp.

4. Nội dung hỗ trợ và mức hỗ trợ chi phí thiết lập ban đầu khi thuê tài sản kết cấu hạ tầng thông tin (chưa hoàn thiện phần: lát sàn, trần thạch cao, chiếu sáng, mạng nội bộ)

a) Hỗ trợ 100.000 đ/m² chi phí thiết lập ban đầu để sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thông tin nhưng không quá 200 triệu đồng/nhà đầu tư, đối tác chiến lược, doanh nghiệp.

b) Mỗi nhà đầu tư, đối tác chiến lược, doanh nghiệp chỉ được hỗ trợ 01 lần.

Điều 8. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số;

b) Hỗ trợ chi phí cho tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn

thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

2. Mức hỗ trợ

a) Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo

- Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 10 triệu đồng/dự án.
- Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án.

b) Dự án ở giai đoạn ươm tạo

- Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án.
- Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 40 triệu đồng/dự án.

c) Dự án ở giai đoạn tăng tốc

- Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 30 triệu đồng/dự án.
- Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 50 triệu đồng/dự án.

Điều 9. Nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số;

b) Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số tối đa 400 triệu đồng/dự án;

Định mức lập dự toán tiền công lao động theo quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

b) Mức hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số;

- Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia trong nước: Mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/chuyên gia. Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/chuyên gia;

- Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia quốc tế: Doanh nghiệp căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh

giá kết quả thuê chuyên gia làm cơ sở phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

c) Mức hỗ trợ chi phí dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số tối đa 200 triệu đồng/dự án, trong đó:

- Hỗ trợ hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý: Hỗ trợ tối đa 150 triệu/dự án;

- Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

- Hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm: Hỗ trợ 35 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế/giải pháp hữu mới trong nước; hỗ trợ 60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, mới ở nước ngoài.

d) Mức hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

- Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 15 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ kinh phí thuê không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp.

- Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

đ) Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ để phát triển dự án cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng.

- Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Tổng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này tối đa 01 (một) tỷ đồng/dự án.

Chương IV

TRÌNH TỰ THỬ TỤC XÉT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Điều 10. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ

1. Đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm

a) Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ dự án theo Mẫu 01.ĐCT Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 5 và khoản 1 Điều 6 Quy định này.

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê nhân sự làm việc trong hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, kèm bảng chi trả lương, thu nhập.

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

2. Đối với dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn

a) Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ dự án theo Mẫu 01.ĐCT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Quy định này.

c) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê nhân sự làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn, kèm bảng chi trả lương, thu nhập.

d) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

3. Đối với dự án xây dựng Trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo

a) Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ dự án theo Mẫu 01.ĐCT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 5 và khoản 3 Điều 6 Quy định này.

c) Bản chính văn bản đề nghị xác nhận doanh nghiệp có hoạt động trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo (trong đó cam kết không vi phạm bản quyền phần mềm, sản phẩm không vi phạm pháp luật hiện hành);

d) Bản chính hoặc bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê nhân sự làm việc trong xây dựng Trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo, kèm bảng chi trả lương

đ) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

4. Đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

a) Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ dự án theo Mẫu 01.ĐCT và Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo dành cho các tổ chức trung gian theo Mẫu 02.TMTGCT hoặc Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo của các doanh nghiệp theo Mẫu 03.TMDNCT tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

b) Tài liệu, hồ sơ, chứng từ chứng minh doanh nghiệp đáp ứng tiêu chí và điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 4 Điều 5 và khoản 4 Điều 6 Quy định này.

c) Hợp đồng thuê nhân sự làm việc trong dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số

đ) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).

e) Bản chính báo cáo kết quả phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số theo Mẫu 05.BCCT tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

Điều 11. Trình tự, thủ tục xử lý hồ sơ

1. Bước 1: Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

a) Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đến Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần, số lượng hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

b) Nội dung thực hiện: Tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ của doanh nghiệp; Kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, thông báo yêu cầu bổ sung.

c) Thời gian thực hiện: tối đa 05 ngày làm việc.

2. Bước 2: Thành lập Hội đồng thẩm định

a) Cơ quan tham mưu: Sở Khoa học và Công nghệ

b) Nội dung thực hiện: Lập Tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thành lập Hội đồng; thành phần Hội đồng: Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ (Chủ tịch Hội đồng), Sở Tài chính (nếu cần), các chuyên gia kỹ thuật và đơn vị có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: 10 ngày làm việc.

3. Bước 3: Tổ chức thẩm định hồ sơ

a) Cơ quan tổ chức: Hội đồng thẩm định

b) Nội dung thực hiện: Nghiên cứu hồ sơ, đánh giá các tiêu chí theo quy định; họp thẩm định, chấm điểm và kết luận dự án đủ/không đủ điều kiện hỗ trợ; lập biên bản và gửi kết quả về Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Thời gian thực hiện: Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi Hội đồng thành lập.

4. Bước 4: Tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

b) Nội dung thực hiện: Tổng hợp kết quả thẩm định; lập báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét hỗ trợ cho dự án.

c) Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc.

5. Bước 5: Ủy ban nhân dân thành phố xem xét và quyết nghị hỗ trợ

a) Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân thành phố

b) Nội dung thực hiện: Tổ chức thẩm tra (nếu có) thông qua các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ban hành Quyết định làm căn cứ pháp lý thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp.

c) Thời gian thực hiện: Theo chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân (kỳ họp thường kỳ hoặc chuyên đề).

6. Bước 6: Thông báo kết quả và triển khai hỗ trợ

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ

b) Nội dung: Thông báo chính thức cho doanh nghiệp về kết quả hỗ trợ.

c) Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 12. Hội đồng thẩm định và mức chi cho hội đồng thẩm định

1. Tùy thuộc vào từng trường hợp hỗ trợ cụ thể, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hoặc tự thành lập Hội đồng thẩm định để tiến hành thẩm định hồ sơ.

Hội đồng hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ quyết định theo nguyên tắc đa số hoặc quá bán. Trường hợp ý kiến của thành viên ngang nhau (50/50) thì quyết định theo bên có ý kiến của Chủ tịch hội đồng thẩm định.

2. Kinh phí cho chi cho Hội đồng thẩm định hồ sơ được cân đối từ nguồn chi thường xuyên của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Mức chi cho Hội đồng thẩm định như sau:

a) Chủ tịch hội đồng thẩm định: 1.000.000 đồng/hồ sơ.

b) Thành viên hội đồng: 700.000 đồng/người/hồ sơ.

Chương V

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Kiểm tra và đánh giá

1. Doanh nghiệp, tổ chức được hỗ trợ phải báo cáo định kỳ 06 tháng/lần về tiến độ thực hiện và báo cáo tổng kết theo Mẫu 04.BCKQCT tại Phụ lục kèm theo Quy định này

2. Ủy ban nhân dân thành phố hoặc các cơ quan được ủy quyền tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất; kết quả giám sát, đánh giá được công bố công khai theo quy định theo Mẫu 05.QĐCNCT tại Phụ lục kèm theo Quy định này

Điều 14. Xử lý vi phạm và hoàn trả kinh phí

1. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nhận hỗ trợ mà không thực hiện đúng cam kết (không triển khai dự án, sử dụng vốn không đúng mục đích, rút vốn trước thời hạn cam kết, vi phạm pháp luật), Ủy ban nhân dân thành phố có quyền thu hồi toàn bộ khoản hỗ trợ đã giải ngân, cộng lãi suất phát sinh và xử lý theo quy định pháp luật.

2. Mức lãi suất thu hồi do Ủy ban nhân dân thành phố xác định, áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành về xử lý tài chính đối với các khoản phải thu ngân sách.

3. Trường hợp có hành vi gian dối, hợp thức hóa chứng từ giả mạo để chiếm đoạt kinh phí hỗ trợ thì bị xử lý theo quy định của pháp luật hình sự, hành chính và tài chính.

Điều 15. Nguồn kinh phí

1. Nguồn kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ quy định tại Quy định này được bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

(Riêng các Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số còn được chi từ Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số).

2. Việc chi hỗ trợ phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố trách nhiệm

a) Triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy định này

b) Cân đối bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện Quy định này theo đúng quy định của pháp luật.

c) Ban hành quy định việc thành lập và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định.

d) Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp; đồng thời định kỳ báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết này tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố cuối năm.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định, tổng hợp kết quả và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ theo quy định tại Quy định này.

b) Tổng hợp nhu cầu, lập dự toán kinh phí hỗ trợ hàng năm gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, bố trí trong dự toán ngân sách địa phương (*Trên cơ sở kết quả xem xét đề nghị hỗ trợ cho các doanh nghiệp*).

c) Theo dõi, kiểm tra và đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn hỗ trợ; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn doanh nghiệp được hỗ trợ thực hiện trình tự, thủ tục giải ngân, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Thẩm định dự toán, xác định nguồn và khả năng cân đối kinh phí hỗ trợ, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bố trí trong kế hoạch ngân sách hằng năm.

c) Phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả hỗ trợ và đề xuất biện pháp xử lý nếu phát hiện sai phạm hoặc sử dụng sai mục đích nguồn hỗ trợ.

d) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Các doanh nghiệp được hỗ trợ

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung kê khai và chứng từ trong hồ sơ gửi cơ quan thẩm định.

b) Sử dụng nguồn hỗ trợ đúng mục đích, đúng quy định.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, chứng từ, số liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền.

d) Phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình triển khai, kiểm tra và giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ.

5. Trong trường hợp có sự thay đổi, vướng mắc trong việc thực hiện các nội dung chính sách, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

PHỤ LỤC

Mẫu 01.ĐCT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DỰ ÁN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số;

..... (Tên doanh nghiệp/tổ chức cá nhân đề nghị) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ Dự án (Tên dự án) với nội dung cụ thể như sau:

- 1. Tên doanh nghiệp/tổ chức cá nhân đề nghị hỗ trợ:
- Mã số doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:.....Email.....
- Ngành, lĩnh vực hoạt động:
- 2. Người đại diện theo pháp luật:
- Sinh ngày:.....
- Căn cước công dân:.....
- Điện thoại...../Email:
- 3. Thông tin mô tả dự án:
- Quy mô dự án:
- Địa điểm thực hiện dự án:
- Loại dự án (Vui lòng đánh dấu “x” vào các hoạt động dự án liên quan đến dự án)
- Sản xuất sản phẩm công nghệ số;
- Đóng gói, kiểm thử;
- Xây dựng hạ tầng;
- Nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ các thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ ưu tiên;

Quản lý, đào tạo và phát triển nhân lực theo nhu cầu thị trường ngành công nghiệp công nghệ số;

Phát triển mô hình đầu tư và hợp tác mới;

Khởi nghiệp sáng tạo;

Các hoạt động liên quan khác, đính kèm văn bản giải trình.

- Công mới nghệ áp dụng (nếu có):.....

- Mục tiêu dự án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể):

.....

- Đối tượng tham gia:

- Thời gian triển khai:

- Tổng mức đầu tư: đồng. Bằng chữ:.....

- Kinh phí thực hiện hiện có :

- Kế hoạch triển khai: (lập kế hoạch chi tiết)¹

- Kết quả đầu ra:

- Các nội dung liên quan khác

4 . Đề nghị xem xét hỗ trợ dự án: (Tên dự án).....

TT	Nội dung hỗ trợ cụ thể	Mức đề nghị hỗ trợ
1		
2		
.....		

5. Các tài liệu kèm theo:

(1).....

(2).....

7. Cam kết:

Chúng tôi cam kết các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và chưa nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nội dung đề xuất hỗ trợ và cam kết sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát theo quy định; hoàn trả hỗ trợ nếu vi phạm cam kết.

Nơi nhận:

- Như trên:

- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
CÁ NHÂN/DOANH NGHIỆP/ TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

¹ Đối với doanh nghiệp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số trên địa bàn thành phố Cần Thơ điền thông tin Mẫu 02.TMTGCT theo Quy định này.

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm
2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRONG CÔNG NGHIỆP
CÔNG NGHỆ SỐ GIAI ĐOẠN TIỀN ƯƠM TẠO/ƯƠM TẠO/TĂNG TỐC NĂM

.....

(Dành cho tổ chức trung gian đề xuất nhiệm vụ)

1. Tên nhiệm vụ
2. Thông tin về tổ chức thực hiện nhiệm vụ
2.1. Tổ chức chủ trì (đồng thời là tổ chức đứng đầu liên danh, nếu có)
2.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở
2.1.2. Lãnh đạo của tổ chức (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.1.3. Năng lực của người đứng đầu tổ chức chủ trì (đồng thời là người đứng đầu liên danh, nếu có)
2.1.4. Chủ nhiệm nhiệm vụ (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.1.5. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số của tổ chức

.....
2.2. Tổ chức tham gia liên danh thứ nhất (nếu có)
2.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở
2.2.2. Lãnh đạo của tổ chức (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.2.3. Các thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.2.4. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số của tổ chức
2.3. Tổ chức tham gia liên danh thứ hai (nếu có)
2.3.1. Tên, địa chỉ trụ sở
2.3.2. Lãnh đạo của tổ chức (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.3.3. Các thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.3.4. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức
3. Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ (mục tiêu và nội dung hoạt động chính của nhiệm vụ đề xuất thực hiện)

4. Nguồn nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ

(Tóm tắt năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên của tổ chức, mạng lưới chuyên gia tham gia thực hiện nội dung chính của nhiệm vụ; kết quả, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số đã đạt được; nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, kèm theo tài liệu chứng minh)

.....

.....

5. Tổng quan nhu cầu thực tiễn

(Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức về thực trạng năng lực, nhu cầu của các chủ thể liên quan trong hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu đó)

.....

.....

6. Giải pháp

(Phân tích giải pháp đề xuất trên cơ sở phân tích tổng quan nhu cầu thực tiễn; nêu rõ điểm mới trong cách tiếp cận, biện pháp, cách thức triển khai, điều kiện đảm bảo tính khả thi của giải pháp)

.....

.....

7. Vai trò của tổ chức tham gia liên danh (nếu có)

(Nêu rõ những hoạt động chính do tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh thực hiện trong triển khai nhiệm vụ; vai trò điều phối, trách nhiệm của tổ chức chủ trì và người đứng đầu liên danh; phương án phân công, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức tham gia liên danh)

.....

.....

8. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Nêu nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 8, Nghị quyết số/...../NQ-HĐND thành phố Cần Thơ)

8.1. Nội dung triển khai chính	8.2. Hoạt động	8.3. Giải thích
Nội dung 1	Hoạt động 1	
	Hoạt động 2	

Hoạt động 3...			
8.4. Thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ			
Nội dung, hoạt động	Kết quả phải đạt/Sản phẩm thu được	Thời gian thực hiện (Tháng thứ...)	Đơn vị thực hiện (đối với liên danh)
Nội dung 1:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 2:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 3:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
8.5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ			
<i>(Phục vụ đánh giá nghiệm thu)</i>			
Nêu rõ số lượng dự án được hỗ trợ theo các giai đoạn (tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc).			
8.6. Sản phẩm			
<i>(Phục vụ đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, ví dụ: khung chương trình ươm tạo, tài liệu đào tạo, báo cáo của các chuyên gia cố vấn, đồng hành với các dự án; báo cáo tình hình phát triển của dự án về quá trình tham gia ươm tạo,...)</i>			
9. Tính bền vững của quá trình thực hiện nhiệm vụ			
<i>(Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương án nhân rộng mô hình, chuyển giao, khai thác sản phẩm/kết quả thực hiện nhiệm vụ)</i>			
.....			
10. Hiệu quả mang lại và sự kết nối, hợp tác với các chủ thể khác trong hệ sinh thái			
<i>(Tác động và hiệu quả về mặt kinh tế xã hội, khoa học và công nghệ; mối liên kết và hoạt động hợp tác với chủ thể khác ở trong và ngoài nước)</i>			
.....			

11. Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác

(Nêu rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế mà tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh đã, đang thực hiện hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia)

12. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ**12.1. Kinh phí đối ứng của tổ chức thực hiện nhiệm vụ**

(Nêu rõ kinh phí đối ứng của tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh, kèm theo tài liệu chứng minh tài chính)

12.2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước**12.3. Kinh phí huy động từ các nguồn khác**

(Nêu cụ thể nguồn kinh phí dự kiến huy động)

Ngày.....tháng năm 20...

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

**TỔ CHỨC THAM GIA LIÊN DANH
(NẾU CÓ)**

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20....

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

(Họ tên, chữ ký)

DỰ TOÁN KINH PHÍ KÈM THEO THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn							
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách NN						Khác	
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định		
1	2	3	4	5= (7+9)	6=(8+10)	7	8	9	10	11	
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông, thuê chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo)										
2	Chi khác										
	Tổng cộng:										

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI KÈM THEO THUYẾT MINH NHIỆM VỤ

1. Công lao động (khoa học, phổ thông, thuê chuyên gia khởi nghiệp đổi mới sáng tạo)

Đơn vị tính: triệu đồng

3. Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ đề nghị hỗ trợ

(Mục tiêu và nội dung hoạt động chính)

4. Năng lực thực hiện nhiệm vụ

4.1 Năng lực về nhân sự

(Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của sáng lập viên, ban điều hành, đội ngũ cán bộ/nhân viên của doanh nghiệp; chuyên gia cố vấn, đối tác chính ở trong nước, nước ngoài)

4.2 Năng lực về tài chính và công nghệ

(Vốn cố định, vốn lưu động, giá trị tài sản trí tuệ, giá trị công nghệ, giá trị doanh nghiệp do doanh nghiệp tự đánh giá hoặc do tổ chức khác đánh giá, giá trị giao dịch gọi vốn/thoái vốn đã thực hiện, kết quả hoạt động, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, đóng góp phát triển cộng đồng đã đạt được)

5. Tổng quan nhu cầu thị trường

(Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường)

6. Giải pháp

(Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay đổi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế)

7. Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh

(Tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ

tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu)

.....

.....

8. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Nêu nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 9, Nghị quyết số/.../NQ-HĐND thành phố Cần Thơ)

Ví dụ:

Nội dung 1: Hỗ trợ công lao động trực tiếp

Hoạt động 1: Nghiên cứu, đánh giá phân tích nhu cầu khách hàng

Hoạt động 2: Thiết kế mô hình sản phẩm, dịch vụ,

Nội dung 2: hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số

Hoạt động 1: Thuê chuyên gia trong nước

Hoạt động 2: Thuê chuyên gia quốc tế

Nội dung 3: Hỗ trợ chi phí sử dụng dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số

Hoạt động 1:.....

<i>8.1. Nội dung triển khai</i>	<i>8.2. Hoạt động</i>	<i>8.3. Căn cứ đề xuất</i>
Nội dung 1	Hoạt động 1	
	Hoạt động 2	
	Hoạt động 3...	

8.4 Thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ

Nội dung, hoạt động	Kết quả phải đạt/Sản phẩm thu được	Thời gian thực hiện (Tháng thứ...)	Đơn vị thực hiện
<i>Nội dung 1:</i>			
Hoạt động 1:			

Hoạt động 2:			
Nội dung 2:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 3:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
<p>8.5 Sản phẩm</p> <p>(Phục vụ đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>			
<p>9. Khả năng kiểm soát rủi ro, tính bền vững của nhiệm vụ</p> <p>(Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương hướng phát triển sản phẩm/dịch vụ mới và nhân rộng mô hình kinh doanh ở thị trường trong nước và nước ngoài qua đó thể hiện tính bền vững về tài chính)</p> <p>.....</p>			
<p>10. Sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước đối với nhiệm vụ</p> <p>(Tóm tắt phương án, mục tiêu, lộ trình phát triển về quy mô thị trường và sự cần thiết hỗ trợ từ Nhà nước; dự tính giá trị lợi ích tạo ra đối với các đối tượng thụ hưởng sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới; tác động về kinh tế xã hội, văn hóa, môi trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo từ phát triển sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới của tổ chức chủ trì và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ)</p> <p>.....</p>			
<p>11. Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác</p> <p>(Nêu rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế, dự án vay tín dụng mà tổ chức chủ trì, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đã, đang thực hiện hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia)</p> <p>.....</p>			
<p>12. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ</p> <p>.....</p>			

12.1 Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp

(Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh tài chính)

.....

12.2 Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

.....

12.3 Kinh phí huy động từ các nguồn khác (Nêu cụ thể nguồn kinh phí dự kiến huy động)

.....

Ngày.....tháng năm 20...
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ
 (Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng
 dấu)

Ngày.....tháng năm 20...
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
 (Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....thángnăm 20...
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
 (Họ tên, chữ ký)

Mẫu 04.BCKQCT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

BÁO CÁO KẾT QUẢ DỰ ÁN/NHIỆM VỤ

Báo cáo tổng hợp kết quả dự án/nhiệm vụ là tài liệu tổng hợp quá trình thực hiện và kết quả đạt được khi dự án/nhiệm vụ đến thời hạn kết thúc để phục vụ đánh giá nghiệm thu. Báo cáo được dùng để công nhận kết quả dự án/nhiệm vụ, thanh lý hợp đồng và lưu trữ theo quy định.

A. BỐ CỤC BÁO CÁO

Bố cục báo cáo bao gồm 3 phần: Phần đầu, phần chính, phần cuối và được trình bày theo thứ tự như sau:

Phần đầu	Trang bìa trước Mục lục Danh mục bảng, biểu, hình Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo
Phần chính	Mở đầu Nội dung chính của báo cáo Kết luận và kiến nghị Kế hoạch triển khai kết quả dự án/nhiệm vụ Tài liệu tham khảo (nếu có)
Phần cuối	Phụ lục Bìa sau

I. PHẦN ĐẦU

1. Trang bìa trước

Bao gồm các thông tin sau:

Tên đầy đủ của Doanh nghiệp/Tổ chức chủ trì .

Tên dự án/nhiệm vụ.....

Họ tên chủ nhiệm (đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số).

2. Mục lục

Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo và các phụ lục cùng với số trang. Ngoài ra, mục lục có thể bao gồm cả danh mục các hình và bảng.

3. Danh mục bảng, biểu, hình

Bao gồm danh mục các bảng, biểu đồ, đồ thị, hình vẽ, hình ảnh sử dụng trong báo cáo cùng với số trang.

4. Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ...

Bao gồm bảng chú giải các từ viết tắt, ký hiệu chữ quy ước, ký hiệu dấu, đơn vị, thuật ngữ... dùng trong báo cáo. Lưu ý, trình bày ký hiệu và từ viết tắt trước (cột thứ nhất), từ đầy đủ sau (cột thứ 2).

II. PHẦN CHÍNH

1. Mở đầu

Phần này được viết thành phần riêng, không đánh số phần hoặc chương.

Giới thiệu vắn tắt về sự hình thành dự án/nhiệm vụ, trình bày ngắn gọn mục tiêu, nội dung dự án/nhiệm vụ; ý nghĩa của dự án/nhiệm vụ; những vấn đề mà dự án/nhiệm vụ cần giải quyết.

Tổng quan nhu cầu thị trường (Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường đối với sản phẩm của nhiệm vụ).

Giải pháp (Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay đổi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế).

Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh (Tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu).

2. Nội dung chính của báo cáo

Nội dung chính của báo cáo được chia thành các phần hoặc các chương có đánh số thứ tự và phải bao quát các vấn đề: lý thuyết, kết quả, bình luận hoặc kiến nghị.

Trong nội dung chính của báo cáo cần trình bày:

Kết quả thực hiện:

+ Trình bày cụ thể các nội dung thực hiện.

+ Trình bày, phân tích, đánh giá kết quả đạt được. Đưa ra được kết luận theo từng nội dung.

+ Tổng quát hóa và đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thu được của dự án/nhiệm vụ và so với thuyết minh đề cương.

+ Tập trung mô tả và phân tích đánh giá được sản phẩm chính của dự án/nhiệm vụ. Khả năng ứng dụng và phát triển sản phẩm.

(Khối lượng, chất lượng của sản phẩm).

3. Kết luận và kiến nghị: Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương.

Trong phần kết luận trình bày súc tích các kết luận từ những nội dung của nhiệm vụ. Đánh giá kết quả đạt/chưa đạt/... của nhiệm vụ để phát triển sản phẩm của doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế xã hội.

4. Kế hoạch triển khai kết quả dự án/nhiệm vụ

Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương. Trong phần này trình bày cụ thể kế hoạch để có thể tiếp tục phát triển sản phẩm của Công ty trong thời gian đến.

5. Tài liệu tham khảo (nếu có)

Nguồn tài liệu thường được trình bày theo thứ tự sau đây:

Họ tên tác giả/Nhan đề/Các yếu tố về xuất bản.

III. PHẦN CUỐI

1. Phụ lục

Phần phụ lục bao gồm các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo.

2. Bìa sau

B. TRÌNH BÀY BÁO CÁO

Báo cáo được đóng thành quyển, đóng bìa cứng; in một mặt trên khổ giấy A4; cỡ chữ 13 hoặc 14; font chữ Times New Roman; dẫn dòng 1,3 lines 1,5 lines, lề trái 3 cm, lề phải 2,0 cm, lề trên 2,0 cm và lề dưới 2,0 cm. Số trang được đánh chính giữa, bên trên.

Đánh số thứ tự: Báo cáo được chia thành Phần hoặc Chương (dùng số La Mã), dưới Phần/ Chương là đến Mục lớn (dùng số La Mã) và các Tiểu mục (dùng số Ả Rập). Các Tiểu mục được đánh số thứ tự nhiều nhất là 04 chữ số.

Ví dụ: 1.2.3.4 chỉ Tiểu mục 4 của nhóm Tiểu mục 3, thuộc Mục II của Chương I.

Không nên đánh lẫn lộn số La Mã và số Ả Rập (Ví dụ: Chương I rồi Mục I.1 hay Tiểu mục I.1.2).

Các bảng, biểu, hình, đồ thị, công thức...: Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, công thức, phương trình phải gắn với số Phần/Chương.

Ví dụ: Hình 2.4 có nghĩa là hình số 4 trong Chương II.

Thứ tự và đầu đề của bảng, biểu ghi phía trên bảng, biểu. Thứ tự và đầu đề của hình vẽ, đồ thị ghi phía dưới hình vẽ, đồ thị. Thứ tự của công thức, phương trình để trong ngoặc đơn ghi phía bên phải cùng hàng. Cỡ chữ của số thứ tự và đầu đề bằng cỡ chữ sử dụng trong báo cáo. Mọi bảng biểu, hình vẽ, số liệu, nhận định... lấy từ nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ nguồn tài liệu và được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn:

Trong khi viết báo cáo, nếu nội dung liên quan đến tài liệu tham khảo thì sau nội dung đó phải viết số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo trong ngoặc vuông [].

Khi trích dẫn nguyên văn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu trích dẫn dài hơn thì tách phần

này thành đoạn riêng, với lề trái lùi vào thêm 2 cm và không sử dụng dấu ngoặc kép. Sau đoạn trích dẫn có ngoặc vuông, trong đó ghi số thứ tự dựa vào số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo

Trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, nếu cần thiết thì nêu cả số trang, ví dụ: [15, tr.314-315].

Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ: [19], [25], [41], [42].

Đơn vị đo lường: Phải sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam, nếu dùng đơn vị khác thì phải viết cả giá trị chuyển đổi và đặt trong dấu ngoặc đơn ().

Văn phong báo cáo: Câu văn cần giản dị, súc tích, ngắn gọn. Sử dụng từ ngữ rõ ràng, chính xác, tránh làm cho người đọc hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

C. BIỂU MẪU TRANG BÌA

DOANH NGHIỆP/TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ ÁN/NHIỆM VỤ

Tên dự án/nhiệm vụ:

Thời gian thực hiện: (Ghi theo Hợp đồng)

Kinh phí: (Ghi theo Hợp đồng)

Tổ chức phối hợp thực hiện (nếu có):

Cần Thơ, tháng... năm...

Mẫu 05.QĐCN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2025/NQ-HĐND ngày ... tháng ... năm
2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

UBND TP.CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

Cần Thơ, ngày tháng năm 202...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công nhận kết quả thực hiện dự án/nhiệm vụ.....**..... **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số/.../NQ-HĐND ngày/.../202... của HĐND thành phố Cần Thơ Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; dự án nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; dự án xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo và dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ biên bản họp ngày của về dự án/nhiệm vụ năm

Căn cứ

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Công nhận kết quả thực hiện dự án/nhiệm vụ “tên dự án/nhiệm vụ”

Doanh nghiệp/Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ (đối với dự án khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số):

Tổ chức tham gia thực hiện (nếu có):

Điều 2. có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ và công bố kết quả thực hiện dự án.**Điều 3.** Doanh nghiệp/Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm lưu giữ các hồ sơ, chứng từ, thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định hiện hành và ứng dụng kết quả thực hiện dự án.**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.**Điều 5.** Doanh nghiệp/Tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia thực hiện và các tổ chức, đơn vị liên quan, có trách nhiệm thực hiện Quyết định này có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;

- Lưu VT,....

CHỦ TỊCH